

## NGÃ RẼ

**K**hông khí lạnh tràn về mang theo từng cơn rét run người, cái rét khá xa lạ với những người quen sống vùng cực nam trung phần, cái vùng quanh năm chỉ biết có nắng nóng và gió bụi. Co ro trong cái rét đầu mùa, tôi chợt thấy lòng mình như “se” lại. Những kỷ niệm buổi thiếu thời chợt thoáng hiện về. Tôi bỗng thấy “nhớ”...

### Nhớ mùa xuân 1971

Sau thời gian nghỉ Tết Nguyên đán. Tôi trở lại trường học, học nốt tam cá nguyệt cuối cùng của niên học 70-71. Khoảng hơn một tuần, khi hương vị ngày xuân đang phai dần theo cường độ các môn học. Tôi bất ngờ nhận được hung tin mẹ mất. Mẹ tôi ra đi thật rồi sao?! Tôi không thể tin được.

Mấy ngày trước đây mẹ tôi vẫn khỏe mà. Hôm tôi đi mẹ vẫn còn ôm tôi từ già, nhẩn nhủ tôi gắng học hành, mà giờ này... Bầu trời như tối sầm lại, tai tôi ù đi. Tôi vội vã ra bến xe Nguyễn Hoàng Phước Hải đón xe về... mà lòng buồn vời vợi...

Đoạn đường dài hơn 100km từ Nha Trang về quê tôi hôm nay sao dài quá! Chiếc xe đồ hiệu Mỹ Quang phì phò nuốt quãng đường gập ghềnh, như những con trâu già gắng gượng kéo nốt luống cày cuối buổi trưa hè. Hàng cây hai bên đường thuở nào reo vui chào đón tôi trở về quê sau những năm tháng học hành. Giờ đây như im lìm vô cảm.

Về đến nhà... Từ xa tôi đã nghe tiếng khóc, tiếng khóc của lũ em thơ dại của tôi, hòa lẫn trong những tiếng khóc nghẹn ngào của bà con thân bằng quyến thuộc. Tim tôi se thắt lại. Mẹ tôi mất thật rồi. Người mẹ bao năm qua tảo tần nuôi tôi lớn khôn, cho ăn học, chỉ mong sao tôi được nên người. Tôi gạt mọi người ra để nhìn Mẹ. Mẹ tôi nằm đây... chỉ còn là cái xác không hồn, gầy gò, ốm yếu, tái nhợt đây sao? Tôi gào thét trong đau khổ tột cùng. Mẹ tôi ra đi ở tuổi 39, còn quá trẻ, bỏ lại sau lưng một đàn con thơ dại, đứa lớn nhất chưa đến tuổi trưởng thành, đứa út chưa biết đi, bi bô gọi mẹ.

### **Nhớ lại những ngày trước...**

Ba tôi, trai thời loạn đi biên biệt, hết chiến dịch Kontum, Dakto Tân Cảnh, lại đến dinh điền Pleiku,

rồi khu trừ mật Ban Mê Thuật, v.v. Mỗi năm về được dăm ba ngày phép rồi lại ra đi, để lại cho mẹ tôi một nỗi buồn man mác vọng phu. Mười tám năm lấy chồng, chắc lép hơn mười đứa con, là kết quả tình yêu trong thấp thỏm lo âu chờ đợi. Mẹ tôi cùng thân phận như người đàn bà trong Chinh phụ ngâm, nhưng mẹ không được lãng mạn:

*Chàng thì đi cõi xa mua gió  
Thiếp thì về buồng cũ chiếu chăn  
Đoái trông theo đã cách ngăn  
Tuôn màu mây biếc trải ngàn núi xanh*

Mẹ tôi tay bế tay bồng, tảo tần nuôi con bằng đủ mọi nghề, làm ruộng, nuôi heo, chăn gà. “Miễn sao các con khôn lớn khỏe mạnh được học hành là Mẹ vui rồi”. Để rồi hôm nay mẹ buông tay, bỏ lại tất cả để về bên kia thế giới... Bên kia thế giới có gì vui không? Có bình an không? Hay chỉ là những từ ngữ mỹ miều dành để an ủi cho người có thân nhân quá cố...

Tôi lại trở về trường học, mang theo một nỗi buồn mất mẹ:

“Xa cha mất mẹ, nỗi buồn nào hơn”.

## **Nhớ mùa xuân 1972**

Mùa xuân 1972 tôi trở về nhà, nhân ngày giỗ đầu của mẹ. Ngày đó ba tôi cũng về. Đi cùng với ông là một người phụ nữ cũng mộc mạc, chân

quê như mẹ của tôi. Qua sự giới thiệu của ông, bà là một quả phụ, có hai con nhỏ, chồng bà cũng là nạn nhân của cuộc trường chinh hai miền nam bắc. Bà sẽ thay thế mẹ tôi như lời ba tôi nói.

Con tim tôi một lần nữa lại se thắt lại. Tôi định nói với ba tôi “sao mà sớm thế”. Nhưng cổ họng tôi dường như bị nghẹn lại không thốt thành lời. Tôi rời khỏi bữa tiệc đang dang dở thẩn thờ bước đi, trong tiếng vọng theo của ba tôi: “đi đâu vậy?” “Đi thấp nhang cho mẹ”.

Nghĩa trang công giáo xứ tôi lúc ấy còn nằm bên kia làng, qua đường cái quan (bây giờ gọi là quốc lộ) là đến. Mộ mẹ tôi còn bốc mùi đất mới, anh em tôi vun lại chiều qua, những ngọn cỏ lơ thơ còn sót lại, run rẩy trước ngọn gió vi vu từ cánh đồng hoang ùa về. Cách mộ mẹ tôi hơn chục ngôi mộ cũng có một bà quả phụ trẻ đang ti tê bên mộ chồng: “Anh ơi! Sao anh bỏ em mà ra đi sớm thế!” Tôi thầm nghĩ “không sớm đâu cô, yên trí đi rồi cô cũng sẽ đi bước nữa thôi, đừng khóc than chi vô ích...”

Cả một buổi chiều tôi ngồi bên mộ mẹ, không nói lên được lời nào, lòng tôi đã quá chai cứng, tôi không còn nước mắt để khóc nữa. Chiều muộn, bóng hoàng hôn đã trườn quá nửa nghĩa trang, tiếng côn trùng bắt đầu rên rì khúc nhạc buồn. Tôi giả từ mẹ lần cuối rồi lững thững cất bước.

Sáng hôm sau tôi trở lại trường, nhưng không phải là trường học, mà là trường đời. Tôi đã có một quyết định ra đi, để gia đình tôi, các em của tôi mới được bình yên...

Chiếc máy bay bốn động cơ cất cánh, (sau này tôi mới biết là chiếc C130) mang theo mấy chục người cùng tâm trạng cô đơn, bất mãn sự đời, bị đôn quân bắt lính. Nó bay một vòng như chào thành phố NhaTrang. Nơi đó có ngôi trường mà tôi đã sống, ăn học và trưởng thành. Nơi đó có bạn bè thân yêu đã cùng tôi trải qua quãng đời niên thiếu, với biết bao kỷ niệm êm đềm. Nơi đó có những người thầy đã cho tôi nhiều kiến thức mà tôi đã dùng suốt cuộc đời vẫn chưa hết. Tất cả giờ đây đã trở thành hoài niệm.

Máy bay tiếp tục tăng tốc lao vào khoảng không gian vô tận mang theo nhiều cuộc đời bất hạnh, trong đó chàng trai còn hai tháng nữa bước vào tuổi mười tám...

## **Đến Sài Gòn**

Chiếc C130 đảo lòng vòng trên không phận Sài Gòn, rồi đột ngột giảm tốc độ, trườn bụng chạy dài trên phi đạo thẳng tắp của phi trường Tân Sơn Nhứt.

Chiều Sài Gòn trời đã dịu nắng, nhiệt độ vẫn còn hâm hấp. Hai chiếc GMC chở chúng tôi rời

khỏi phi trường, hòa vào dòng người đang tất tả ngược xuôi. Đèn đỏ, đèn xanh, dừng rồi lại di chuyển. Tiếng còi hụ của chiếc xe dẫn đường lẫn trong tiếng ồn ào, tiếng nhạc, tiếng rao hàng, tạo thành một thứ âm thanh hỗn tạp đặc trưng của Sài Gòn. Đoàn xe chui qua những con lộ nhiều nhà cao tầng, sầm uất, ngạo nghễ, phô diễn nét duyên dáng mỹ miều của “Hòn ngọc Viễn Đông”.

Rời khỏi trung tâm thành phố, xe tiếp tục chạy dọc theo bờ kênh, những căn nhà sàn nằm san sát nhau, trên những chiếc cột ốm tong teo, như những chiếc cà kheo cắm vội xuống bờ kênh, vách nhà, mái nhà, được làm bằng đủ mọi vật liệu, từ những mảnh bìa cát tông hoen ố nhạt về từ bãi rác, hay vỏ thùng bia mang nhãn hiệu của các nước giàu... Bức tranh tương phản giữa xã hội giàu, nghèo, đan xen trong những năm tháng chiến tranh triển miên khói lửa.

Thành phố lên đèn. Đoàn xe dừng lại trước một trại lính. Chiếc bảng to đùng với dòng chữ to tướng đập vào mắt: Sư Đoàn... Trại tuyển mộ nhập ngũ Thị Nghè... Khối Bổ Sung. Chiếc ba-ri-e được cất lên, đoàn xe mất hút vào trong rồi dừng lại. Theo hiệu lệnh của một viên trung sĩ, “đám tàn quân ô hợp” của chúng tôi hàng ngũ chỉnh tề. Bữa cơm chiều, bữa ăn đầu tiên của đời lính. Từng người một lên nhận phần ăn trên một chiếc khay inox có nhiều ngăn: cơm nhiều, canh toàn quốc được vài

cọng cải, một khúc cá mồi kho tương kiểu Sài Gòn, không ớt không hành, ngọt, tanh khó nuốt. Bụng tôi giờ đã đói meo, sôi lên ồm ồm. Cố gắng lắm cũng chỉ ăn được vài muống. Lòng tôi như chùn lại... tôi bỗng nhớ nhà da diết, nhớ mẹ tôi nằm dưới nắm mồ hoang lạnh lẽo, nhớ bấy em thơ bơ vơ... Nhớ những bữa cơm chiều ngày trước tôi cùng bè bạn xì xụp ăn sau giờ kinh tối... “Ăn nhanh lên! Sắp hết giờ rồi” tiếng nhắc nhở của người bạn cùng cảnh ngộ tôi vừa mới quen trong chuyến đi. “Ăn không nổi”. Tôi vừa nói vừa nhìn vào khay cơm của bạn... khúc cá mồi chỉ còn trơ xương trắng. Tôi lặng lẽ mang chiếc khay cơm dang dở lên đổ vào chiếc thùng phuy để sẵn, người trung sĩ đứng cạnh chiếc thùng phuy nhếch miệng cười khó hiểu (sau này tôi mới biết, bữa tối hôm đó bấy heo nhà anh ta được một bữa no say, nhờ những thằng chưa quen cơm lính như tôi).

Sau bữa cơm, chúng tôi được lệnh khám sức khỏe ngay trong đêm, để ngày mai kịp giao quân lên Trung tâm huấn luyện. Nhà binh có khác, nhanh nhẹn không lể mể (chả bù lúc còn đi học sinh hoạt hướng đạo). Sau phần cân nặng, chiều cao, chúng tôi được đưa đến một căn phòng để khám tổng quát. “Khám tổng quát là sao hả trung sĩ”. “Khám rồi biết, nhà binh không được hỏi nhiều”. Không gian lại trở về im lặng vốn có của nó. Đến lượt tôi bước vô phòng: trong căn phòng

có hai quân nhân đang chờ sẵn. Nam quân nhân mang cấp hàm trung sĩ phụ trách viết lách đang ngồi trên bàn giấy. Nữ quân nhân mang cấp hàm trung úy trên tay cầm một cây ba ton nhỏ bằng ngón tay cái, đang vẫy gọi tôi. “Chị gọi em”. “Nhà binh không có chị em, xưng hô Trung úy và Tôi”. “Dạ trung úy”. “Được, cời hết đồ ra.” Tôi ngẩn người ra “em.” “Đúng, nhanh lên.” Biết không thể nào tránh khỏi, tôi đành làm theo mệnh lệnh. Đòi thuờ cha mô, mẹ mô mình có làm như thế trước mặt người lạ đâu! Thôi đành phó mặt cho số phận!

Quay trước, quay sau, nháy xồm, hít đất đá song phi, tất tần tật trong tư thế Adam trong vườn địa đàng (cũng may là tôi chưa ăn trái cây biết lành biết dữ nên chưa thấy mắc cỡ). “Tốt, người tiếp theo”. Trời ơi! Tôi được thoát rồi sao. Vợ vội quần áo tôi bước qua phòng bên, rời khỏi thiên thai trở về thế gian như ông Từ Thức xưa, mà lòng cảm thấy như vừa thoát được một kiếp nạn.

## **Cuộc sống quân trường**

Đêm hôm đó, sau khi khám sức khỏe, chúng tôi được phát quân trang quân dụng, (đồ dùng cho việc huấn luyện). Họ dẫn chúng tôi về một sam để nghỉ qua đêm (sam là chỗ ngủ tập thể của người lính). Sau một ngày mệt nhọc tất cả lăn ra trên sạp ván, thoáng một cái đã nghe tiếng ngáy đều đều như thổi bể lò rèn, của mấy chàng vai u thịt bắp.



Riêng tôi cứ trần trở mãi. Phần thì “lạ nhà” phần thì nhớ... Đêm đã khuya, tiếng bìm bịp kêu con nước lớn, rờn, nghe sao mà da diết. Gió từ con sông thổi rì rào khua động đám dừa nước, ô rô, mọc um tùm hai bên bờ kênh rạch nghe xào xạc. Mùi đất, bùn, sinh thoang thoang, kéo tôi về những năm tháng tuổi thơ, theo lũ bạn trong làng vào những dịp nghỉ hè. Nào những buổi cưỡi trâu, mình đưa nào cũng dính đầy bùn đất, do đàn trâu hay nằm vũng sinh lầy. Hay rủ nhau đi mò cua bắt ốc theo rặng sát, bần, đước mọc ven đầm. Rồi ra sông tắm giặt... Tôi thiếp đi... trong hồi ức tuổi thơ.

“Dậy tập hợp”, tiếng thét lạnh lạnh của viên trung sĩ làm tôi bừng tỉnh...

Đoàn xe chở chúng tôi tiếp tục băng qua những con phố còn ngái ngủ dưới ánh đèn đường vàng vọt hiu hắt. Ra khỏi thành phố, đoàn xe tăng tốc hướng về quận lỵ Thủ Đức, băng qua xa lộ Đại Hàn rồi tiến về Rừng Cấm (một địa danh được mang tên Chiến khu Đ). Sừng sững trước mặt chúng tôi là một cổng chào mang hình con sóng to tướng: “Su Đoàn... (Căn Cứ Sóng Thần). Đoàn xe tiếp tục di chuyển, quẹo trái, rồi dừng lại. Trung Tâm Huấn luyện, lò luyện thép của một binh chủng. Chúng tôi xuống xe hàng ngũ chỉnh tề nhận hiệu lệnh. “Hôm nay các bạn đã thực sự là người lính. Để Chúc mừng buổi tao ngộ, tôi trân trọng mời các bạn cùng chúng tôi thăm quân trường của binh

chúng.” Tiếng vỗ tay ào ào sau tuyên bố của viên trung tá chỉ huy trưởng. “Đại đội năm hàng ngang trước thẳng.” Quân số giờ đây đã lên cấp đại đội. Theo hiệu lệnh chạy đều của viên trung sĩ, chúng tôi chạy bốn vòng quanh trung tâm huấn luyện (mỗi vòng là một km).

“Mẹ kiếp! Tao ngộ kiểu này chắc... không dám tái ngộ.) Tiếng càm ràm, tiếng giày xô gõ đồm đóp xuống mặt đường xen lẫn trong tiếng loa phát thanh: “Đường trường xa con chó nó tha con mèo...” Âm thanh ngày mới của trung tâm huấn luyện lính đánh thuê thời Cộng hòa.

## Xuôi quân ra Huế

Vào ngày giữa tháng 6/72 đang buổi tập chiều muộn tại C4 thuộc Dĩ An Biên Hòa, chúng tôi được lệnh trở về Trung Tâm Huấn Luyện, để chuẩn bị phân bổ về các đơn vị tác chiến do nhu cầu cấp bách của chiến trường. Ba tháng quân trường (phải nói chính xác là hai tháng rưỡi). Từ một thằng thu sinh trói gà không chặt, nắng gió thao trường đã biến tôi thành một thanh niên cường tráng, đen nhẻm, ngay cả đến những người thân quen chưa chắc đã nhận ra.

Buổi lễ ra trường đơn giản vội vàng. Hơn một trăm năm mươi tân binh thoáng một cái đã được phân phối về các tiểu đoàn bộ. Tôi về Tiểu đoàn

6 cùng với một số anh em khác. Chúng tôi được ném lên các chiếc xe GMC đang đợi sẵn ngoài B52 (tên hội trường lớn theo cách gọi nhà binh). Đoàn xe tung bụi mù, mỗi chiếc một hướng về đơn vị của mình. Về đến hậu cứ của Tiểu đoàn, chúng tôi được nhận quân trang quân dụng mới, nhận thêm phần lương khô bốn ngày để chuẩn bị ra đơn vị tác chiến. Lần đầu tiên trong đời tôi được thưởng thức lương khô quân đội: gạo sấy, đồ hộp thùng C của Mỹ, ăn được, ngon hơn cơm quân trường. Đêm hôm đó, tôi được một giấc ngủ ngon lành sau bảy mươi lăm ngày đêm tập luyện vất vả. Sáng sớm tinh mơ chúng tôi được vực dậy, lần này đoàn xe hướng về phi trường Biên Hòa. Phi trường Biên Hòa lúc bấy giờ là một phi trường nhỏ, dành riêng việc vận chuyển cho quân sự. Phi đạo ngắn, cỏ mọc um tùm có chỗ cao tới ngực người lớn. Những chiếc phi cơ vận tải C130, C123, C47 thoát ẩn hiện trong màn sương mỏng buổi ban mai, như những con quái vật đen sì thời tiền sử. Con “khủng long” oan nghiệt đã nuốt chửng đoàn người vào bụng, rồi lao vào khoảng không gian vô tận. Ba giờ bay với chiếc bốn động cơ, nhồi lên thụp xuống như chiếc thuyền nan gặp sóng dữ, khi gặp vùng không khí loãng. Chiếc C130 đã có mặt trên bầu trời Huế.

Huế đang giữa hè, trời nóng hầm hập, phi trường Phú Bài trở trụ xác xơ. Những chiếc máy bay sau khi hạ cánh vội vã núp vào trong các ụ bê

tông để phòng pháo kích... Sân bay thua người, đa phần là lính được tăng cường từ các vùng chiến thuật khác đến. Họ vội vàng trong im lặng. Xa xa có nhiều tiếng nổ lớn đi đùng từ vùng núi phía nam (sau này tôi mới biết đó là vùng núi Bạch Mã). Đoàn xe lầm lũi rời Phú Bài, Phù Lương... rồi tiến thẳng về thành phố Huế. Huế thơ mộng mà tôi từng đọc trong sách vở những ngày còn ngồi ghế nhà trường đây sao?! Hai bên đường hoa phượng mảng đỏ rực mảng xác xơ. Vùng bên này sông Hương nhà cửa được xây cất tân kỳ hơn... Qua khỏi cầu Tràng Tiền là phần cố đô, dinh thự đền đài theo lối cổ xưa, tường thành phủ kín rong rêu, loang lổ vết đạn bom. Xe chạy trên đường Trần Hưng Đạo dọc theo bờ sông Hương, đến cầu Gia Hội, rẽ trái về hướng Mang Cá Nhỏ nơi đặt hậu trạm của sư đoàn.

Phố Huế vắng vẻ đượm buồn, người qua lại thưa thớt. Người đi đường bước vội vào lề khi thấy xe lính đi qua, rồi cuối đầu lầm lũi lê bước. Huế vắng bóng những tà áo dài, với chiếc nón bài thơ của nữ sinh Đồng Khánh mỗi buổi tan trường. Huế không còn những chiều tím trên giòng Hương giang thơ mộng. Dưới chân cầu Gia Hội đám con nít của dân vạn đò vô tư, trần truồng bơi lội, la hét chí chóc, phá tan cái không gian tĩnh mịch trong cái nắng oi bức của buổi trưa hè. Huế của thời chiến tranh loạn lạc!

## Cái nóng của gió Lào

Đêm hôm đó, đám lính chúng tôi được tập họp tại một khoảng sân rộng trong khuôn viên Mang Cá nhỏ. Xung quanh là những căn nhà cổ kính mái lợp ngói âm dương, tường nhà loang lỗ, có chỗ rêu phong, cỏ dại mọc um tùm. Dưới ánh đèn vàng vọt của chiếc bóng đèn điện đốt bằng dây tung xít, được ngụy trang phía trên bằng một tấm vải dù màu rêu, để phòng pháo kích. Viên sĩ quan trung úy chiến tranh chính trị đồng dục, cao giọng thông báo về tình hình chiến sự... về chính nghĩa quốc gia... nào là quân ta thừa thắng xông lên... địch đang yếu thế, v.v. Đêm đã muộn, tiếng côn trùng than vãn đã vơi dần. Lẫn trong tiếng vo ve của loài muỗi háu đói được dịp bám lấy hơi người, là tiếng càu nhàu của một người lính “khuya rồi ngủ đi trung úy ơi...” “Chính nghĩa với chính em, sáng còn ra hành quân nữa.” Một anh bạn già ngồi cạnh tôi lên tiếng. Nhìn anh có vẻ là người từng trải. Tôi hỏi nhỏ “Anh không có chính nghĩa sao”? Giương đôi mắt u buồn anh hỏi lại tôi: “Chú mày có chính nghĩa không”? Tôi im lặng... Tôi đâu biết gì là chính nghĩa quốc gia, tôi chỉ là cậu học trò buồn đời xốc nổi, bỏ nhà ra đi để quên nỗi u buồn... Về sau này tôi mới hiểu, những người được gọi là đồng đội của tôi, họ đến từ nhiều hoàn cảnh khác nhau. Họ bị đôn quân bắt lính đưa ra chiến trường, họ đã tìm cách trốn lính. Khi không còn

cách nào trốn được, họ đăng ký vào bất kỳ một binh chủng nào để kéo dài thời gian huấn luyện, tránh bớt đối diện với chiến trận. Họ là những lính kiểng lính ma bị phát hiện phải đôn quân ra chiến trường. Họ là những lao công đào binh vừa được phục hồi binh quyền làm lính. Phía sau họ là mẹ già con thơ vợ dại phải nuôi dưỡng. Họ bị cuốn hút trong cuộc nội chiến triền miên không lối thoát.

Ngày hôm sau, chúng tôi có mặt tại Mỹ Thủy, một làng chài ven biển. Cũng như những làng chài của miền nam Việt Nam thời đó, phương tiện đánh bắt là những chiếc thuyền nhỏ được đan bằng tre, trét chai, gắn máy đuôi tôm, đánh bắt ven bờ... Bãi biển đìu hiu không một bóng thuyền, hoang tàn, xơ xác. Làng vắng hoe không một bóng người. Nhà cửa cái tan hoang, cái cháy đen trơ trụi, như bộ xương khô lâu năm mà người ta vừa bốc mộ. Những cột kèo còn sót lại, đong đưa kẽo kẹt theo cơn gió nồm biển. Thịnh thoảng đâu đó vài chiếc nan thúng hay nan thuyền tả tơi bị gió cuốn lăn tròn trên bãi cát. Trong làng chỉ chít những hố bom lớn nhỏ, cái to nhất bằng cái ao làng, cái nhỏ cũng cỡ chiếc cộ bò. Kết quả sau một trận cày của B52 và pháo đạn đại bác. Sự sống không hiện diện nơi đây.

Rời Mỹ Thủy đoàn quân được lệnh tiến về phía bắc hướng Chợ Cạn (một địa danh khá nổi tiếng thời kỳ chống Pháp). Bãng qua những cồn cát

trắng không một bóng cây râm mát, vùng này toàn cát, trắng xóa một màu cát. Trong cái nắng như nung của những cơn gió Lào thổi qua vùng đèo Lao Bảo, An Lão cây số 17, gió hầm hập nóng khô người. Những tia nắng hình ngôi sao nhảy múa hỗn độn, rồi chạy dài trên những đồi cát, tạo thành những ảo giác hoa mắt. Ngày hành quân, tối nghỉ tạm dưới những công sự đào vội vã. Những cuộc đụng độ thường xuyên diễn ra vô cùng ác liệt. Hai bên tranh nhau từng mét đất, từng ngọn đồi, từng làng mạc bỏ hoang. Thậm chí nhiều khi giành nhau từng giếng nước để duy trì sự sống. Thương binh nằm la liệt, khóc la, quần quai trong đau đớn tột cùng. Lính tử trận nhiều vô số kể, được bó gọn trong những chiếc poncho bạc màu, phơi nắng chờ tải về Huế khâm liệm. Chiến tranh là vậy, đau khổ tột cùng, tang thương mất mát. Số phận con người được đặt trên bàn cờ của chiến cuộc.

## Mùa mưa Quảng Trị

Rời Chợ Cạn đơn vị được lệnh hành quân về hướng tây bắc để tiến chiếm bờ bắc sông Vĩnh Định. Sông Vĩnh Định là một con sông đào được khơi thông dưới thời các vua triều Nguyễn. Sông đào Vĩnh Định nối liền giữa sông Thạch Hãn ở ngã ba Cổ Thành đến sông Lương Điền, thông vào phá Tam giang nối liền với cố đô Huế. Con sông không

chỉ quan trọng trong việc tưới tiêu cho vùng ruộng lúa các xã thôn thuộc huyện Hải Lăng, mà còn là vị trí chiến lược quan trọng cho việc tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị. Hai bên bờ sông đất đai màu mỡ, ruộng lúa xanh rì. Làng xóm nằm san sát được bao quanh bằng những lũy tre xanh thắm. Muốn chiếm cứ được bờ bắc con sông, phải băng qua các làng mạc đó... Đơn vị chúng tôi đã vượt qua Gia Đăng, lên Phương Lan rồi tiến về Ngô Xá. Làng Ngô xá có vị trí khó công dễ thủ. Bao quanh làng là hệ thống sông Vĩnh Định. Ngoài ra trên khu vực còn có các công trình tương đối kiên cố, như nhà thờ, chùa chiền, có những rặng tre bao quanh, tạo thành những chiến lũy vững chắc. Quân Bắc Việt được trang bị gọn nhẹ nên linh động hơn, lại được sự hỗ trợ của quân du kích địa phương, nên việc di chuyển luôn lách, chiến đấu rất thuận lợi. Quân Việt Nam Cộng Hòa trang bị cồng kềnh, không quen địa hình, chỉ trông cậy vào sự yểm trợ của phi pháo và pháo binh nên gặp muôn vàn bất lợi. Hai bên giằng co nhau gần cả tháng trời, thương vong vô số. Mùa mưa lại về...

Mùa mưa Quảng Trị thường bắt đầu vào tháng 9, nhưng năm nay (1972) có vẻ ngoại lệ. Mới tháng 8 mà mưa đã vào mùa. Mưa như hạ giận, bù lại những ngày hè oi bức. Bầu trời xám xịt, từng đám mây đen không biết từ đâu kéo về, găm gù, rồi đổ nước như trút trên vạn vật. Mưa từ ngày này qua



ngày khác. Có trải qua mùa mưa nơi chiến trường mới thấy được cái khổ cực của người lính. Ngày ẩn mình dưới giao thông hào nước ngập gần tới thắt lưng, ăn vội bịch gạo sấy chan nước mưa, tối bò lên chiếm mục tiêu, truy kích. Bùn sinh, mồ hôi, trợn lẩn với mùi máu của đồng đội thương vong, tanh nồng đến lợm giọng. Những đôi mắt quầng thâm vì mất ngủ, những khuôn mặt thất thần lo âu tiêu tụy, phó mặc cho số phận rủi may.

Trung tuần tháng 8, đơn vị cũng đã đến được bờ bắc sông Vĩnh Định. Chúng tôi đóng quân tại một làng có tên gọi Bích La thôn. Bích La thôn là một thôn làng xinh đẹp nằm bên bờ ngã ba sông Vĩnh Định, nơi đây có một chiếc cầu thơ mộng mà người dân địa phương gọi là cầu Ba Bến. Tục truyền rằng cách đây vài trăm năm, có một vị Chúa Nguyễn đẩy lòng nhân từ, trước khi chết ông đã ra lệnh thả hết các cung nữ về Bích La thôn để làm lại cuộc đời. Không biết vì ảnh hưởng di truyền hay vì phong thủy hữu tình mà người phụ nữ ở Bích La thôn có một sắc đẹp lạ lùng. Chính vì vậy mà cố nhạc sĩ Hoài Linh (1920-1995) đã từng ca ngợi vẻ đẹp phụ nữ của dân Bích La qua bài hát “Người đẹp Bích La thôn”:

*Em là cô gái Bích La thôn  
Đôi tám tròn trắng lấm kẻ dòm  
Nghe mẹ bảo bà mai trong xóm  
Rằng cháu tuy vậy chưa lớn khôn...*

Đó là Bích La thôn của năm tháng Hòa Bình. Bích La thôn ngày chúng tôi đến xác xơ, tro trụi vì bom đạn chiến tranh. Làng xóm tiêu điều, vắng hoe. Chỉ còn một vài mẹ già tật nguyền ở lại bám làng. Thinh thoảng những người lính trẻ chúng tôi đi uỷ lạo, mẹ hỏi: “Bộ đội miền bắc hay miền Nam?”.

Những câu hỏi ngậm ngùi chỉ có những người dân sống trong vùng “sáng Nam, chiều Bắc”. Họ là người mang dòng máu Việt Nam sống giữa hai lần đạn Việt.

### **Lệnh tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị**

Sông Vĩnh Định giờ đây tạm thời thay thế giòng sông Bến Hải phân chia hai bờ chiến tuyến bắc nam. Giòng nước vẫn lững lờ trôi, lúc đục lúc trong, khi voi khi đầy. Những họng súng đen ngòm thoát ẩn thoát hiện trong những lùm cây, bụi cỏ hai bên sông, chờ cơ hội nhả đạn. Đêm về mặt sông in bóng hỏa châu cháy đỏ bắc ngang lưng trời, rồi tắt ngúm, đen ngòm như mồm chó mực. Cảnh vật lại trở về cảnh u tịch của màn đêm, chỉ còn nghe tiếng róc rách của giòng nước, tiếng rì rào của gió từ bãi sông thốc vào, tiếng côn trùng âm vang rên rĩ. Nếu không có tiếng ầm ầm của trọng pháo từ xa vọng về, chắc hẳn đây là một vùng quê yên bình thơ mộng.

Thượng tuần tháng 8/72, đơn vị tôi phải bàn

giao tuyến sông Vĩnh Định cho một đơn vị bạn trong đêm, để đi nhận một nhiệm vụ mới. Chúng tôi di chuyển trong màn sương ướt lạnh. Lầm lũi bước đi trong im lặng, người đi sau cách người đi trước một bước chân để tránh lạc mất nhau, vì địa hình lạ. Một đêm quân hành mệt mỏi chúng tôi đã đến ngã ba Long Hưng, cách thị xã Quảng Trị khoảng 2 km. Đơn vị tạm dừng quân và được thông báo tái chiếm cố thành Quảng Trị. Đoàn quân tiếp tục quân hành. Thị xã Quảng Trị đang ở trước mặt chúng tôi: một đồng hoang tàn đổ nát. Không còn một căn nhà nguyên vẹn, “không còn hòn đá nào nằm trên hòn đá nào”. Tất cả bị vùi lấp trong bom đạn.

Trời vừa hừng sáng, cũng là lúc chúng tôi đã trám tuyến cho một đơn vị bạn khác. Nét mặt họ mừng vui, những cái bắt tay vội vã. Chúng tôi hiểu được tâm trạng của họ lúc này, họ đã chuyển những hiểm nguy phía trước về phía chúng tôi.

Theo lệnh đơn vị trưởng chúng tôi lấy lương khô ra dùng, vì không được nấu nướng. Buổi sáng chưa được dùng xong, thì phía bạn đã chào mừng chúng tôi bằng những trận đại pháo 130, cối 82, hỏa tiễn bầy 122 ly.

Cũng kể từ ngày đó những con đường, những góc phố, những căn nhà của thành phố Quảng Trị đã trở nên “thân quen” với chúng tôi, “tiệm kem Ly Ly, căn nhà sắt, trường Nguyễn Hoàng,

đường Quang Trung... rồi thành cổ”. Chiếm được, rồi bị đánh bật lại, những điệp khúc được lập đi lập lại như bài hát bị dập bằng. Mãi cho đến ngày 16/9/1972 khi những người bạn phương bắc của chúng tôi chịu kéo về hết bên kia bờ bắc Sông Thạch Hãn.

Đơn vị chúng tôi được lệnh lui về tuyến sau để bổ sung quân số. Đại đội chúng tôi khi vào chiến trường có tổng cộng 152 quân nhân, ngày rút quân ra chỉ còn vồn vẹn 16 người (trong đó có tôi).

Tôi không biết “AI” đã che chở cho chúng tôi những người còn sống sót trong cuộc chiến hải hùng này, khi mà bom đạn mỗi ngày dội lên trên đầu chúng tôi hàng ngàn tấn...? Đâu đây nghe tiếng hát từ chiếc Radio 2 băng của người bạn lính “Xin có em nguyện cầu cho đời anh, đá mềm chân cứng để Mẹ còn tương lai...”

## **Giã từ sông Thạch Hãn**

Buổi chiều muộn hôm ấy, sau khi cố thành và phía nam thị xã Quảng Trị thuộc về phía quân Nam Việt, chúng tôi rời khỏi sông Thạch Hãn, con sông thứ 3 phân chia đôi bờ chiến tuyến bắc nam trong vòng chỉ có vài tháng, sau sông Bến Hải và sông Mỹ Chánh...

Ánh nắng vàng vọt buồn bã ngả dài trên những

dãy núi phía tây. Nhà cửa hai bên đường không một bóng người, quang cảnh thê lương. Chiếc xe nhà binh GMC chở chúng tôi đi trong cái hoang vắng, bóng xe trải dài trên mặt đường rồi dần dần theo bóng đêm đen. Trên xe không ai nói với ai một lời nào, tất cả đều im lặng. Tôi thấy lòng mình se lại, lắng sâu trong suy nghĩ “tôi đi giữa hoàng hôn của đất trời, hay đi giữa hoàng hôn của cuộc đời?...”

Sáng hôm sau, chúng tôi đã về đến Bộ tư lệnh tiền phương của sư đoàn đóng tại trung tâm quận Hương Điền (quận cũ Hương Điền thuộc tỉnh Thừa thiên Huế dưới thời VNCH, nay tương ứng với địa bàn thị xã Hương Trà và các huyện Quảng Điền). Về đây coi như an toàn, vì ở xa tầm pháo của “Các bạn miền bắc”, bởi vì các quan lớn của VNCH thời bấy giờ chuyên ở trong các bongke hô “xung phong”. Sĩ quan từ cấp trung đoàn, lữ đoàn trở lên khi đi thị sát mặt trận đều đi bằng trực thăng, họ đến chiến trường ủy lạo tướng sĩ khi mặt trận đã ngưng tiếng súng. Chúng tôi được nghỉ dưỡng quân vô thời hạn chờ bổ sung cho đủ quân số.

Quận Hương Điền thời bấy giờ dân cư thưa thớt, đa phần những nhà khá giả họ tản cư vào Huế hay Đà Nẵng. Chỉ còn lại số ít dân nghèo ở lại bám làng, phó mặc cho số phận rủi may, vì không còn sự lựa chọn. Họ buôn bán, trao đổi, thuốc lá, bia, mì gói, hoặc đồ nhậu cho những đơn vị lính

đóng quân trong vùng. Số còn lại canh tác những thửa ruộng ven làng, hay đánh bắt cá theo bờ phá Tam Giang..

Tuy chỉ có mấy tháng đòi lính, nhưng lại là một trong những quân nhân cũ còn sống sót lại sau trận hải hùng thành cổ, nên được ưu ái. Tôi được bổ nhiệm làm thư ký quân số, mỗi tuần một lần về hậu trạm Mang Cá nhỏ Huế chờ lãnh tân binh từ Sài Gòn ra, về bổ sung cho đơn vị.

Ở Huế thời gian rảnh rỗi nhiều, tôi thường thơ thẩn, khi thì dạo quanh trong thành nội, thăm cung điện đền đài mà các triều đại nhà Nguyễn đã dày công gây dựng. Nhưng than ôi nay (1972) đã trở thành những phế tích, hoang phế rong rêu. Lúc thì tản bộ theo đường Trần Hưng Đạo, dọc theo bờ sông, ngắm giòng Hương giang lững lờ, ngày ngày cuốn trôi những buồn vui, khổ ải của người dân cố đô, về một nơi xa lắm. Hoặc đi về phía cầu Gia Hội ngắm thuyền của dân vạ chài neo đậu ven sông, hay ngắm những đứa trẻ con hồn nhiên bơi lội, nô đùa trong giòng nước trong, đục, không một chút ưu phiền giữa thời chiến tranh loạn lạc... Buồn chán tôi ra chợ Đông Ba xem thiên hạ buôn bán. Chợ Đông Ba là chợ lớn của thành phố Huế, nhưng (lúc bấy giờ) hoang tàn và vắng vẻ như buổi chợ chiều. Người mua kẻ bán vội vội vàng vàng rồi giãn thưa ra vì sợ pháo kích.

Chiều về, bóng hoàng hôn bao trùm trên phố

Huế, tôi đắm trong tôi một nỗi buồn man mác. NHỚ nhà nhớ quê, nhớ trường xưa bạn cũ. THƯỜNG cho một cảnh bể dâu. Thời gian, dòng đời, lịch sử, tất cả đi vào mệnh mông, xa vắng. Nghe đâu đây tiếng thở dài của người dân xứ Huế. Hay tiếng thơ ai oán của của Bà huyện Thanh Quan một thời đã thương nhớ “Thăng Long hoài cổ”:

... Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,  
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương...

### **Nhớ mùa đông 1972 ở Huế**

Tuổi đời qua mau, thời gian vội lướt, thấm thoát đã hơn 50 năm rồi, nhưng tôi không thể nào quên được mùa đông năm ấy, năm 1972 ở Huế.

Buổi sáng thức dậy thấy sương giăng khắp lối, mờ đục cả không gian, rồi mưa gọi rét về, rét đến run người. Rét ghé ngang qua thành phố vốn dĩ đượm buồn, nay càng tịch mịch cô liêu... Đâu đây có tiếng rao tha thiết đến xói lòng của những chị bán hàng rong, run rẩy, lê bước, cái dáng gầy còm lấm lũi trong cơn mưa, họ vẫn mưu sinh trong cái rét. Rồi như không dừng lại ở đó, cái rét len lỏi đến tận vùng quê, đi vào tận ngõ ngách, gõ cửa từng nhà. Cái rét làm đứt đoạn câu hò của các cô thôn nữ buổi sáng ra đồng với nắm cơm vắt vội, trong cái áo toí mong manh, những bàn tay run run thò ra cầm vội những cành mạ non trên những thửa ruộng ven đằm. Cách đó vài ba thửa, bác nông phu

cùng con trâu già đang bì bõm làm bằng đất, cho kịp buổi bắt mạ. Mưa càng to trời càng rét đậm...

Trời rét, đám lính chúng tôi co ro trong những tầng lều, ngói tùm năm tùm ba đầu láo, bên cạnh ly cà phê, thuốc lá lấy ra từ thùng đồ hộp (C-ration của quân đội Mỹ). Thịnh thoảng mưa tạnh, may mắn lắm mới có được chút nắng để đi dạo quanh làng cho đỡ quần chân.

Mùa Noel lại về, đây là Noel đầu tiên trong đời lính. Trước ngày lễ một tuần, chúng tôi được thông báo sẽ có một linh mục tuyên úy người Việt, một linh mục tuyên úy Hoa Kỳ cùng dâng thánh lễ. Các quân nhân Công giáo Mỹ -Việt sẽ cùng tham dự thánh lễ và hát chung với nhau một số bài hát bằng tiếng La-tinh, tiếng Anh, tiếng Việt, ai hát được thì tham gia. Buổi tập hát hôm ấy được nhiều người tham gia, đa số là quân nhân Mỹ, đặc biệt có ông đơn vị trưởng trực tiếp của tôi. Rồi các buổi tập tiếp theo... đều diễn ra suôn sẻ, không phân biệt màu da, cấp bậc, tất cả đều hân hoan, tiếng ca tiếng hát hòa quyện trong tiếng đàn, tạo nên một bầu khí háo hức chuẩn bị cho ngày đại lễ.

Đêm Vọng Giáng Sinh chúng tôi mừng lễ ngoài trời, trong khuôn viên bộ tư lệnh tiền phương của sư đoàn đóng tại quận Hương Điền, bầu trời đầy sao, thời tiết khá lạnh nhưng không mưa. Đúng 12 giờ khuya, hai vị Linh mục Việt, Mỹ xúng xính trong bộ áo lễ Rôma trịnh trọng “chào các bạn



quân nhân Công giáo về tham dự Thánh lễ.” Bài ca Silent night được vang lên trầm bổng, trong niềm tin yêu Chúa đem bình an cho mọi người... Rồi Gloria in excelsis Deo... Bình an dưới thế cho người thiện tâm... cho chúng con là những người lính trận ngoài biên, gian nan khốn khổ cái chết cận kề... Xin Chúa cho dân Việt hết lầm than, không còn chiến tranh... Lời kinh tiếng hát vang lên cao vút, vang vọng cả một vùng quê u tịch. Đêm lạnh dần, sương rơi ướt sũng, chúng tôi ôm nhau “chúc mừng Giáng sinh”, “Merry Christmas”, chia nhau ly rượu vang rồi trở về đơn vị trú quân của mình...

“Ghé anh tí”, “có gì không ông thầy”, tôi ghé lại lều chỉ huy của đơn vị trưởng. Ông bảo “ngồi xuống đi”, tôi kéo chiếc thùng đựng đạn rồi ngồi đối diện. Ông vớ tay ra phía sau, kéo từ trong chiếc ba lô một chai rượu whisky uống dang dở, rót đầy hai cái tách trà bảo “uống đi”, “trước khi đi lính có vào ca đoàn hả”, “dạ không ông thầy”, “sao lại biết hát La-tinh ngọt thế”, “dạ em học Sao Biển”... Câu chuyện vui dần theo chai rượu... thì ra trước đây ông là một thầy dòng Giuse Kim Châu, vô giúp xứ ở Phước Thiện Phan Rang rồi xuất tu. Cuộc đời của hai người ta ru, cách nhau một thế hệ tuổi tác gặp nhau nơi biên thùy giá rét, sinh tử cận kề. Ông bảo “mày phải tiếp tục học, may ra mới có một tương lai tốt đẹp...” “đi lính rồi, học gì nữa ông thầy”... “phải học thôi.”

Trên bầu trời đen kịt, gió rét từng cơn vẫn dồn dập thổi về, xa xa... từ nơi sâu thẳm của một góc trời, có một ngôi sao mới vừa lóe sáng. Ngôi sao “hy vọng” của một đời người... trong Đêm NOEL.

## Nhớ mùa xuân 1973

Sau một thời gian dưỡng quân để bổ sung quân số, đơn vị được lệnh hành quân. Sáng sớm hôm đó, đoàn xe GMC chuẩn bị đưa chúng tôi rời khỏi Hương Điền, trong sự bịn rịn của nhiều cô thôn nữ, có lẽ tình cảm đã nảy sinh giữa họ với những người lính trẻ, sau một thời gian dài đóng quân ở đây, âu cũng là chuyện thường tình nam nữ. “Khi mô anh về”, “Anh không biết”, “Chừ anh đi mô”, “Anh không biết”, “Cái chi anh cũng không biết”, “LÍNH MÀ EM”... Làm sao biết được tương lai, khi họ đang đi vào “chảo lửa”.

Đoàn xe lăn bánh, tiếng gầm rú của động cơ, lẫn trong tiếng bánh xe cày nghiền mặt đường, xa xa bóng người đưa tiễn đã chìm khuất trong bụi mờ. Hương Điền giờ đây chỉ còn là kỷ niệm. Đoàn xe tiếp tục men theo con lộ đất đỏ, bỏ lại sau lưng làng xóm tiêu điều, những ngôi chùa mái cong uốn lượn, rỗng châu hổ phục, nay còn lại cổng tam quan xiêu vẹo. Ngôi nhà thờ hai tháp chuông cao vút, vươn thẳng lên trời cao, nay bên còn bên mất.

Qua một ngày đường dài xóc, đoàn xe đổ chúng tôi xuống một bãi đất trống, đây có lẽ là nơi

tập kết quân của Lữ đoàn. Theo lệnh của đơn vị trưởng chúng tôi phân tán mỏng để phòng pháo “bạn”... rồi tiếp tục quân hành. Lần này cũng vậy, người trước cách người sau một bước chân, lặng lẽ đi trong màn đêm cô tịch. Đêm đã về khuya, nghe rõ tiếng sương rơi lộp độp trên cành lá ven đường, người lính chiến kéo vội cái phéc-mơ-tuya (fermeture) lên cho ấm cổ, rồi tiếp tục tiến bước.

Mờ sáng, đơn vị chúng tôi đã hoàn thành việc bàn giao các tuyến với đơn vị bạn, những cái bắt tay vội vã, những nụ cười gượng gạo của người đi, kẻ ở, tắt lịm như ánh hào châu còn sót lại trên bầu trời khi bình minh ló dạng.

Hôm sau, chúng tôi được biết nơi đang đóng quân, cũng thuộc về Làng Bích La Thôn (không biết thôn A hay B), và phía sau lưng là bờ sông Vĩnh Định. Hai bên Nam Bắc đối diện sinh tử với nhau giữa một cánh đồng trống hoắc, trống huơ, mọi sinh hoạt đều nằm dưới giao thông hào, công sự phòng thủ để tránh đạn pháo là những chiếc hầm ếch đào khoét vội vã, mong manh như mạng sống người lính.

Trong những ngày này, người trong đơn vị râm ran nghe đồn sắp ký hiệp định ngừng bắn, thật hư như thế nào, chưa rõ, chỉ là nghe ngóng qua radio cả hai phía. Một buổi chiều trung tuần tháng 1, sau khi nghe báo cáo quân số, Đơn vị trưởng bảo tôi ngồi lại, “đây là giai đoạn quyết liệt nhất của

cuộc chiến, hãy giữ mình, đi đâu cũng phải đội nón sắt mặt áo giáp, phải hết sức cẩn thận, sắp sửa ký hiệp định ngừng bắn.” “Khi nào ký hiệp định ông thầy?”, “mày qua Paris mà hỏi”. Tôi im lặng không hỏi thêm gì, vội chào rồi trở về công sự của mình. Ông nói với theo: “Gần rồi”...

Đúng như lời “ông thầy” tôi tiên liệu, từ ngày 20 tháng 1 cuộc chiến trở nên khốc liệt, hai bên không ngần ngại tặng cho nhau, từng ngày, từng giờ, từng phút, không biết bao nhiêu tấn bom đạn các loại. Ngày 26 tháng 1, Bộ tư lệnh phân bổ rất nhiều cờ VNCH, và dặn dò khi có lệnh thì cắm tất cả trên chiến tuyến đơn vị đang hiện diện. Ngày 27 tháng 1 qua đài radio cả hai bên, chúng tôi được biết hiệp định Paris đã ký kết và sẽ có hiệu lực chính thức vào ngày hôm sau.

Ngày 28 tháng 1 năm 1973, một rừng cờ được cắm lên cả hai chiến tuyến, chúng tôi những người lính trẻ bắn những phát đạn cuối cùng lên trời xanh, rồi nhảy hết lên giao thông hào ôm nhau nhảy múa, lăn lộn, mừng mừng tủi tủi. Mừng vì mình là những người còn sống sót sau cuộc chiến tàn khốc, tủi vì những người đồng đội đã ra đi, thậm chí mới vừa ra đi trong những giờ phút cuối cùng.

Bên kia bờ Bắc, cách nhau một tấm đạn, những người bạn bên kia chiến tuyến chẳng khác gì chúng tôi, cũng mừng vui, cũng nhào lên khỏi

công sự phòng thủ reo hò mừng ngày ngưng bắn, ngày “HÒA BÌNH” đầu tiên sau bao nhiêu năm chờ đợi.

Mặt trời đã lên cao, những tia nắng hiền hòa đã chan hòa trên vạn vật, đâu đây tiếng hát từ loa phát thanh vang lên:

*Ta đã thấy mặt trời lên, sau đêm dài tăm tối  
triển miên*

*Ta đã thấy ngọn triều dâng xóa tan đi dấu chân  
trên cát mềm*

*Ta đã thấy ngàn lời ca theo mây trời lan mãi về xa*

*Ta đã thấy đời nở hoa. Ôi THANH BÌNH đẹp  
như một cơn mơ.*

*Thật vậy ÔI THANH BÌNH ĐẸP NHƯ MỘT CƠN  
MƠ!*

Cuộc chiến tạm dừng, chúng tôi đã may mắn được chứng kiến những ngày ngưng tiếng súng đầu tiên trên mảnh đất này, một cảm xúc khó tả trong tôi lúc đó. Chiến tranh vẫn còn rình rập, đâu đây vẫn còn nghe tiếng súng, tiếng mìn nổ ở những vùng giáp ranh vì nhiều lý do khác nhau, nhưng mọi người đều cảm nhận rằng những ngày mới đang về trên mảnh đất đau thương này, Thành Cổ Quảng Trị chỉ còn một đồng đống nát, thị xã điêu tàn, không còn vết tích thành phố một thời nhộn nhịp của vùng giới tuyến.

Giòng sông Vĩnh Định nơi chúng tôi đang đóng quân, nước vẫn lững lờ trôi về phía hạ nguồn, nhưng ít vẫn đục hơn do không còn bom đạn pháo, làng xóm bớt cô quạnh, người dân địa phương gồng gánh chạy loạn đao binh nay lần lượt trở về, bởi ngày thực thi hiệp định Paris (ngày 28.1.73) cũng là ngày 25 tháng chạp âm lịch.



TẾT Quý Sửu năm 1973, một cái TẾT yên bình sau 19 năm mong đợi. Bình yên trong thấp thòm lo âu, trong cảnh màn trời chiếu đất, trong sự thiếu thốn mọi bề, nếu ai đó chưa một lần nhìn thấy tận mắt, chắc không thể nào tin được. Chiến tranh là chia ly, đau thương, mất mát, không gì có thể bù đắp được.

Người dân hồi hương mỗi ngày một nhiều,

đơn vị chúng tôi phải chia ra nửa quân số canh giữ phòng tuyến, số còn lại đi làm dân sự vụ, cất lại những căn nhà nhỏ tạm bợ cho dân có chỗ trú mưa trú nắng, bằng những vật liệu thu nhặt được trong bãi chiến trường, phân phát cho dân một nửa phần lương thực mà chúng tôi nhận được qua tiếp tế của đơn vị, đi gỡ mìn bẫy còn sót lại để tránh bớt thương vong. Những nồi bánh chưng, bánh tét gói, nấu vôi vữa, phân phát cho dân ấm lòng trong dịp TẾT đến xuân về...

Cuối cùng mùa xuân cũng GHÉ LẠI, bầu trời sáng hơn, ngọn gió mới về đùa giỡn trên những lùm sậy bãi bồi ven sông, cỏ cây hình như cũng bùng lên sức sống mới, sức sống được trui rèn qua những năm bom đạn, “Họ đã quen như ri rồi”. Những luống cày được vỡ ra, chuẩn bị gieo trồng những chồi non mới, NGÀY MAI LẠI BẮT ĐẦU TỪ NGÀY HÔM NAY...

Rồi những ngày xuân cũng qua đi, chúng tôi giả từ Bích La thôn, nơi có giòng sông Vĩnh Định hiền hòa, có những cô thôn nữ giọng hò trầm ấm, di hành về làng Trí Bưu nằm cạnh Cổ Thành, để giữ an ninh cho ban liên hiệp bốn bên, chuẩn bị cho việc trao trả tù binh vào giữa tháng 2 bên bờ sông Thạch Hãn.

Trí Bưu là một làng Công giáo toàn tòng nằm cách Thành Cổ Quảng Trị khoảng 500 mét về hướng đông bắc, theo lịch sử thì làng Trí Bưu đã theo đạo

Công giáo từ hạ bán thế kỷ 17, tức là vào khoản năm 1690, do hội Thừa sai Paris thành lập. Đây là một trong những giáo xứ tiên khởi của vùng đất Quảng Trị. Sau năm 1885 nhà thờ Trí Bưu bị một nhóm Văn Thân đốt phá. Năm 1953 nhờ sự đóng góp tiền bạc, công sức của giáo dân nhà thờ được dựng lại kiên cố để làm nơi thờ phượng. Đến năm 1968 một lần nữa chiến sự lại làm cho nhà thờ bị hư hại nặng. Năm 1971 được bà con giáo dân đóng góp tu sửa kiên cố, nhưng rồi do tác động bom đạn của cả hai bên, lại nằm trong vùng chiến sự ác liệt trong việc tái chiếm thị xã và Thành Cổ Quảng trị, nhà thờ Trí Bưu lại một lần nữa bị phá hủy gần như hoàn toàn, chỉ còn sót lại bộ khung chịu lực bằng bê tông cốt thép, và một mảnh tường của gác chuông.

Sau ngày hiệp định Paris ký kết người dân hồi hương về khá đông, họ che những căn chòi nhỏ trên nền đất nhà xưa để ở. Chiều về khi mặt trời gác bóng trên những dãy núi phía tây thành phố, họ quây quần bên ngôi thánh đường đổ nát để cầu kinh, lời kinh trầm bổng vang lên tha thiết nghe mà thương đến não lòng.

Màn đêm buông xuống, tiếng cầu kinh thưa dần, rồi rơi vào khoảng không tịch mịch, chỉ còn nghe tiếng côn trùng rên rĩ vọng về từ cánh đồng hoang trợ trụ phía bên kia đường, nơi đó có tiếng nổ xập xình của máy phát điện phục vụ cho ban



liên hiệp bốn bên “gìn giữ hòa bình”. Bên này, làng Trí Bưu chìm trong bóng tối, bóng tối của màn đêm hay bóng tối cuộc đời họ.